TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/LĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý

2. Bà Lê Phi Yến

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 6 và 14 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLST-LĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Một thành viên P, địa chỉ trụ sở: Tòa nhà H– phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây: Tòa nhà K, , Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1976, cư trú tại: đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số 0201/2018/SALG/UQ-TT ngày 02/01/2018 *(ông N có mặt)*

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh năm 1984, cư trú tại: đường P1, Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Huy H, sinh năm 1981, cư trú tại đường P1, Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 008725, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 do Phòng công chứng số M, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận) *(ông H có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn do ông Trần Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/9/2016, Công ty TNHH Một thành viên P ký với bà Nguyễn Ngọc Thùy D Hợp đồng lao động số PH/SAC/HĐLĐCT/149, phụ lục 1 số PH/SAC/PLHĐ/149, hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số PH/SAC/ĐTN/149 và thỏa thuận bảo mật thông tin số PH/SAC/BMTT/149 có hiệu lực từ ngày 10/9/2016, theo đó bà D đảm nhiệm vị trí là Trưởng nhân viên tư vấn thẩm mỹ theo đúng quy trình công nghệ, chăm sóc khách hàng được công ty chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề để làm việc tại các cơ sở thẩm mỹ P – Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định trong hợp đồng lao động thì thời hạn của hợp đồng là 01 năm, bắt đầu từ ngày 10/9/2016 đến ngày 09/9/2017, bà D đã cam kết không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động sau khi đã được cử đi học các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí của Công ty và sẽ làm việc cho Công ty tối thiểu trong thời gian từ ngày 10/9/2016 đến ngày 09/9/2017. Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà D đã được Công ty chi trả chi phí để huấn luyện đào tạo kỹ năng, chuyển giao công nghệ là "bí quyết, kỹ thuật thẩm mỹ cao cấp về quy trình điều trị thẩm mỹ bằng thiết bị laser và ánh sáng", kỹ năng quản lý và vận hành cơ sở thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu cần phải có kiến thức và kỹ năng quản lý, tư vấn, chăm sóc khách hàng nhằm đảm bảo có đủ khả năng thực hiện các công việc được mô tả theo hợp đồng lao động với công ty.

Ngày 04/4/2017, bà Nguyễn Ngọc Thùy D nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với lý do: Công ty trả lương nhiều lần không đúng thời hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động nên căn cứ theo mục b, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Lao động năm 2012, bà D còn nộp kèm phiếu yêu cầu xem xét nguyện vọng xin nghỉ việc. Sau khi nhận đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty đã tổ chức cuộc họp với bà D và yêu cầu bà D tiếp tục và nghiêm túc thực hiện các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết nhưng bà D không thực hiện. Công ty đã gửi thư thông báo cho bà D vào các ngày 11/4/2017, 13/4/2017, yêu cầu bà D đến Công ty để giải quyết nhưng bà D vẫn không hợp tác, không phản hồi. Ngày 25/10/2017 và 08/11/2017, Công ty gửi thông báo cho bà D yêu cầu liên hệ với Công ty để giải quyết yêu cầu hoàn trả giá chuyển giao do vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nhưng bà D vẫn không hợp tác, không phản hồi.

Về thời gian thực hiện việc đào tạo, chuyển giao công nghệ không đúng như trong hợp đồng là do Công ty chưa sắp xếp được thời gian, địa điểm tổ chức, tuy nhiên việc chuyển giao công nghệ này đã được thực hiện sau đó vào các ngày 09/3/2017, từ 13 – 17/3/2017 và 23-24/3/2017, bà D có tham gia và ký nhận vào bản danh sách tham gia các buổi đào tạo này. Đại diện nguyên đơn xác định bà D nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và đã tự ý nghỉ việc tại Công ty từ ngày 04/4/2017. Nguyên đơn xác nhận có trả lương trễ cho bà D vào tháng 2/2017 là 02 ngày và tháng 3/2017 trễ 03 ngày (sau khi đã trừ ngày

01/4/2017 nhằm vào ngày thứ bảy và 02/4/2017 nhằm ngày chủ nhật). Do bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong các hợp đồng lao động, phụ lục và hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề với Công ty nên Công ty TNHH Một thành viên P yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải thanh toán cho Công ty giá chuyển giao công nghệ với số tiền 100.000.000 đồng theo đúng như cam kết tại Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề mà hai bên đã ký kết, thanh toán ngay một lần sau khi có quyết định của Tòa án, ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn, do ông Nguyễn Vũ Huy H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà D xác nhận ngày 09/9/2016, đã ký kết Hợp đồng lao động số PH/SAC/HĐLĐCT/149, phụ lục 1 số PH/SAC/PLHĐ/149, hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số PH/SAC/ĐTN/149 và thỏa thuận bảo mật thông tin số PH/SAC/BMTT/149 với chức vụ Trưởng nhân viên tư vấn thẩm mỹ với Công ty TNHH Một thành viên P. Sau đó, bà D được bổ nhiệm làm Phó quản lý chi nhánh chuyên về bán hàng, tư vấn, chăm sóc khách hàng.

Lý do bà D nghỉ việc là do Công ty không trả lương đúng thời hạn. Mục đích của việc ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề là để giữ chân nhân viên vì D đã có thâm niên 4 năm làm việc trong công ty nên cũng có kiến thức nhất định, chỉ có bác sĩ mới cần phải đào tạo chuyên sâu. Theo hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề thì thời gian đào tạo là từ ngày 10/9/2016 đến ngày 09/11/2016 nhưng theo danh sách nhân viên đào tạo thì thời gian đào tạo là tháng 3/2017. Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2018, ông H nêu việc Công ty trả lương trễ cụ thể như sau: Ngày 02/12/2016 chi lương tháng 11/2016 trễ 02 ngày; ngày 06/01/2017 chi thưởng tháng 11/2016 trễ gần 01 tháng; 23/01/2017 chi thưởng tháng 12/2016 trễ khoảng 02 tuần; ngày 03/3/2017 chi lương tháng 02/2017 trễ 03 ngày; ngày 16/3/2017 chi thưởng tháng 01/2017 trễ hơn 01 tháng; ngày 05/4/2017 chi lương tháng 3/2017 trễ 05 ngày. Mỗi khi công ty chi trả lương trễ, bà D chỉ gọi điện nhắc nhở phòng nhân sự chứ không có văn bản gì. ông H xác nhận ngày 04/4/2017 bà D đã nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty và nghỉ việc tại Công ty từ ngày 04/4/2017, không đến Công ty làm việc nữa. Sau đó, ngày 07/4/2017 bà D có nộp cho Công ty phiếu yêu cầu xem xét nguyện vọng xin nghỉ việc, đề nghị thanh toán tiền lương từ ngày 26/3/2017 đến 31/3/2017 vì thông thường mỗi tháng công ty chỉ chốt lương đến ngày 25 hàng tháng. Ngày 05/4/2017 Công ty P đã chuyển trả đủ lương tháng 3/2017 cho bà D và đã chốt trả sổ bảo hiểm cho bà D. Bà D không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng như Công ty P yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Công ty TNHH Một thành viên P– ông Trần Hoàng N trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, yêu cầu bà D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là giá chuyển giao công nghệ do bà D đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thỏa thuận về thời gian làm việc theo Hợp đồng chuyển

giao công nghệ và đào tạo nghề đã ký kết. Ngày 04/4/2017 bà D nộp đơn chấm dứt hợp đồng lao động nhưng thực tế bà D nghỉ việc tại Công ty từ ngày 03/4/2017. Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà D đến để giải quyết về đơn nghỉ việc nhưng bà D không đến. Thời gian tham gia các lớp chuyển giao công nghệ và đào tạo có khác với thời gian ghi trong hợp đồng nhưng thực tế Công ty có tổ chức khóa chuyển giao công nghệ và đào tạo, bà D có tham gia, có ký tên vào danh sách tham gia, có nhận chứng chỉ và có hình ảnh chụp bà D nhận chứng chỉ.

Đại diện bị đơn, ông Nguyễn Vũ Huy H trình bày: Lý do bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là do Công ty nhiều lần trả lương trễ hạn. Ngày 01/4/2017 bà D xin nghỉ phép đến 03/4/2017. Đến ngày 04/4/2017 bà D nộp đơn chấm dứt hợp đồng lao động và nghỉ việc cùng ngày nộp đơn. Bà D đã có kinh nghiệm sẵn vì đã làm việc cho Công ty được 04 năm (trước đó có thời gian nghỉ, sau đó xin vào làm lại). Khi mới vào, bà D chưa biết gì về công việc, sau đó đã thành thạo công việc. Việc chuyển giao các công nghệ và đào tạo chỉ có bác sĩ mới cần thiết, bà D là trưởng nhân viên tư vấn và đã được đề bạt lên làm Phó Chi nhánh do làm tốt công việc. Trong danh sách ký nhận tham gia khóa đào tạo thì danh sách ngày 16/3/2017 không đúng chữ ký bà D, còn những ngày khác là đúng, ngoài ra, bà D có nghỉ 01 ngày. Hình ảnh chụp bà D nhận chứng chỉ do nguyên đơn cung cấp là đúng. Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo chỉ nhằm mục đích giữ chân nhân viên và thời gian chuyển giao, đào tạo không đúng như ghi trong hợp đồng nên bà D không đồng ý thanh toán số tiền 100.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty TNHH Một thành viên P khởi kiện tranh chấp về "đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" với bị đơn – bà Nguyễn Ngọc Thùy D. Bà D có địa chỉ tại đường P1, Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là giá chuyển giao công nghệ do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

[2.1] Xét việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bà Nguyễn Ngọc Thùy D:

Căn cứ theo Hợp đồng lao động số PH/SAC/HĐLĐCT/149, phụ lục 1 số PH/SAC/PLHĐ/149 ngày 09/9/2016 ký giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Ngọc Thùy D thì thời hạn làm việc của bà D là 01 năm, bắt đầu từ ngày 10/9/2016 đến hết ngày 09/9/2017.

Tại đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động do bà Nguyễn Ngọc Thùy D ký ngày 04/4/2017 có nêu lý do nguyên đơn trả lương nhiều lần không đúng thời hạn như thỏa thuận trong hợp đồng lao động nên bà căn cứ theo mục b khoản 1 Điều 37 Bộ luật lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn từ ngày 08/4/2017. Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2018 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Hoàng N xác nhận nguyên đơn có trả lương trễ cho bà D vào tháng 2/2017 là 02 ngày và tháng 3/2017 trễ 03 ngày (sau khi đã trừ ngày 01/4/2017 nhằm vào ngày thứ bảy và 02/4/2017 nhằm ngày chủ nhật). Tuy nhiên, xét về thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp "không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động" (theo điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật lao động) thì người lao động phải báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 03 ngày làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động. Phía nguyên đơn trình bày bà D nghỉ việc từ ngày 03/4/2017, có thể hiện trên bảng chấm công của Công ty và nộp đơn chấm dứt hợp đồng lao động ngày 04/4/2017. Đại diện bị đơn cho rằng bà D xin nghỉ phép đến ngày 03/4/2017 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, tại phiên tòa, ông H thừa nhận bà D nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và đồng thời nghỉ việc cùng một ngày 04/4/2017, thừa nhận bà D vi phạm về thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động thì bị đơn đã vi phạm thời hạn báo trước cho nguyên đơn khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Từ những phân tích như trên, căn cứ theo Điều 41 Bộ luật lao động, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc bị đơn – bà Nguyễn Ngọc Thùy D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên P là trái pháp luật vì đã vi phạm thời hạn báo trước quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động. Việc Công ty không yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán giá chuyển giao công nghệ số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số PH/SAC/ĐTN/149:

Căn cứ Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số PH/SAC/ĐTN/149 ngày 09/9/2016, Điều 1 và Điều 2 của hợp đồng có nêu: Công ty sẽ tiến hành việc chuyển giao công nghệ là "bí quyết, kỹ thuật thẩm mỹ cao cấp về quy trình điều trị thẩm mỹ da bằng thiết bị laser và ánh sáng" của Công ty cho người nhận chuyển giao. Việc chuyển giao công nghệ này có thể được thực hiện thông qua các hình thức như cung cấp tài liệu, văn bản, tổ chức khóa học... do công ty quyết định từng thời điểm. Thời gian thực hiện việc chuyển giao công nghệ từ ngày 10/9/2016 đến hết ngày 09/11/2016 tại địa điểm do Công ty chỉ định. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thừa nhận do không sắp xếp được thời gian theo đúng như hợp đồng, tuy nhiên, việc chuyển giao công nghệ này đã được thực hiện sau đó vào các ngày 09/3/2017, các đợt từ ngày 13 đến 17/3/2017 và từ ngày 23 đến 24/3/2017, bà D có tham gia và ký nhận vào bản danh sách tham gia vào các ngày kể trên và có nghỉ 01 ngày. Căn cứ vào danh sách nhân viên đào tạo do nguyên đơn cung cấp, và sự thừa nhận của đại diện bị đơn về việc bà D có ký tên trong danh sách tham gia, có hình ảnh chụp bà D nhận chứng chỉ do Công ty cấp, ngoài ra, tại Phụ lục 1 "Mô tả công việc và cam kết thực hiện" có thể hiện một trong các công việc của bà D là: tiếp xúc tốt với khách hàng để giới thiệu về dịch vụ điều trị da của PPP Laser Clinic, chăm sóc tốt khách hàng, hỗ trợ bác sĩ trong quá trình điều trị cho khách hàng, chuẩn bị các vật phẩm phục vụ cho việc điều trị... cho thấy lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ về việc bà D có tham gia khóa chuyển giao công nghệ và đào tạo là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng được ký kết là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, việc đại diện bị đơn cho rằng Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề thực chất chỉ là để giữ chân nhân viên, bà D đã có chuyên môn qua thời gian làm việc, không cần chuyển giao công nghệ hay đào tạo gì thêm là không có căn cứ chấp nhận. Tại Điều 3 của Hợp đồng có nêu giá chuyển giao công nghệ bao gồm: chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thuê địa điểm, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, và các khoản chi phí gián tiếp khác có liên quan cũng như chuyển giao về thông tin dữ liệu của khách hàng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số PH/SAC/ĐTN/149 ngày 09/9/2016 thì người nhận chuyển giao công nghệ đơn phương nghỉ trước thời hạn có hiệu lực của hợp đồng sẽ phải thanh toán giá chuyển giao công nghệ là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Do bà D đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật sau khi đã được nguyên đơn chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề nên bà D phải thanh toán cho nguyên đơn giá chuyển giao công nghệ là 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Do đó, căn cứ Điều 43 Bộ luật lao động năm 2012 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn giá chuyển

giao công nghệ số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu đồng) ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Công ty TNHH Một thành viên P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007406 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 37, 41, 43 Bộ luật lao động;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên P:

Buộc bà Nguyễn Ngọc Thùy D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên P giá chuyển giao công nghệ số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Nguyễn Ngọc Thùy D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc Thùy D chịu án phí lao động sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- Công ty TNHH Một thành viên P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007406 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Một thành viên P, bà Nguyễn Ngọc Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**